

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DSPT

Ngày: 23/10/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Thẩm phán:

- Ông Bùi Đình Thông

- Bà Trần Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 14/2018/DS-PT ngày 13/8/2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐ-PT ngày 10-9-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1970, địa chỉ: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1965, bà Phan Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Bà T ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng, ông T có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Văn Chiêu, Luật sư Văn phòng Luật sư An Phát, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ: số 286 Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh:

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc H, Chủ tịch UBND huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn V, Phó chủ tịch UBND huyện H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ UBND xã H, huyện H;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Thế H, Chủ tịch UBND xã.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Xuân P, Phó chủ tịch UBND xã, có mặt.

+ Anh Nguyễn Quốc H, địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Bi, xã H, huyện H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, vụ án có nội dung:

Năm 2004, hộ gia đình ông Nguyễn Quốc T được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng 1401m² đất tại Giấy CNQSD đất số T093432 ngày 19-11-2004. Năm 2011, ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình cho bà Trần Thị T với diện tích 265,2m² tại xóm Đ, xã H, huyện H, được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng đất số BG 400842 tại Quyết định số 4161/QĐ-UBND ngày 25-10-2011. Năm 2016, bà Trần Thị T T hành làm nhà ở thì vợ chồng ông T, bà T ngăn cản không cho làm, từ đó phát sinh tranh chấp. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T trả lại phần diện tích đã chuyển nhượng trước đây để bà làm nhà ở và chấm dứt hành vi cản trở việc bà sử dụng đất.

Bị đơn – ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T trình bày: Việc bà T cho rằng gia đình ông bà chuyển nhượng đất cho bà T là không đúng, chữ ký tại hồ sơ chuyển nhượng là giả mạo. Trên thực tế, bà T được Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân huyện H tự ý cắt đất của gia đình ông bà để làm thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho bà T là hành vi bất hợp pháp. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T và hủy Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bị đơn trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như các đương sự trình bày là đúng thực tế. Tuy nhiên, không có căn cứ để khẳng định việc ông T, bà T chuyển nhượng đất cho bà T. Do đó, việc UBND huyện H cấp quyền sử dụng đất số BG 800842 ngày 25-10-2011 cho bà Trần Thị T là bất hợp pháp nên đề nghị Tòa án tuyên hủy, đồng thời yêu cầu đưa hai con của bị đơn là Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị H vào tham gia tố tụng và chuyển thẩm quyền lên Tòa án cấp tỉnh để giải quyết theo luật định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã H, huyện H đều khẳng định: Việc UBND huyện H cấp quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T là đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở hồ sơ chuyển nhượng đất giữa hai hộ gia đình, UBND xã H đã làm thủ tục trình UBND huyện H xem xét, quyết định. Việc gia đình ông T, bà T cho rằng hồ sơ chuyển nhượng đất bị giả mạo là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T trả lại 265,2m² đất cho bà T và không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định cấp quyền sử dụng đất cũng như Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Quốc H và chị Nguyễn Thị H đều đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của quyết định cấp quyền sử dụng đất số 4161/QĐ-UBND ngày 25-10-2011 và Giấy CNQSD đất số BG 400842 ngày 25-10-2011 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Trần Thị T.

Tại bản án số 07/2018/DSST ngày 13-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003; Điều 121, 124, khoản 1, 2 Điều 169, 170, 193, 234, 248, 255, 259, 401, 402, 599 Bộ Luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc ông Nguyễn Quốc T và Phan Thị T giao lại diện tích 265,2m² đất đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị T theo Quyết định về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4161/QĐ-UBND ngày 25-10-2011 và Giấy CNQSD đất số BG 400842 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 25-10-2011 mang tên Trần Thị T, đồng thời phải chấm dứt mọi hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T. Cụ thể diện tích đất 265,2m² của bà Trần Thị T có tứ cận như sau: Phía Đông giáp mương nước của đường xóm có chiều dài 12m; phía Tây giáp hành lang an toàn đường Hồ Chí Minh có chiều dài 12m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T đang sử dụng có chiều dài 26m; phía Bắc giáp đất ao hồ do UBND xã H quản lý có chiều dài 18,2m.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy quyết định về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4161 ngày 25-10-2011 của UBND huyện H và Quyết định cấp quyền sử dụng đất số BG 400842 ngày 25-10-2011 mang tên bà Trần Thị T. Ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T phải có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản có trên phần đất đã được cấp GCNQSD đất cho bà Trần Thị T gồm: Chuồng trại chăn nuôi bò, nuôi gà; hàng rào cột bê tông cốt thép, 01 cây gió trầm; 06 cây bưởi; 01 cây ổi; 01 cây măng cầu; 08 cây xoan dâu; 12 cây chuối; 01 cây lòng đỏ trứng gà để gia đình bà T toàn quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng tình với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, ngày 23-7-2018, bị đơn: ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc H, chị Nguyễn Thị H có kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm trình bày:

Đề nghị xem xét lại nguồn gốc đất có tranh chấp. Giấy CNQSD đất cấp cho hộ gia đình nên cần đưa các con của ông T tham gia tố tụng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có sự tham gia của các con, không có biên bản giao đất trên thực địa, gia đình ông T vẫn sử dụng trên đất, có tài sản của ông T trên đất. Các bên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, bà T chưa có căn cứ về việc đã giao tiền cho ông T, không cung cấp được biên bản giao nhận tiền, chưa có biên bản thỏa thuận giải quyết tài sản trên đất. Do đó hồ sơ chuyển nhượng đất năm 2011 giữa ông T, bà T và bà T chưa đảm bảo đầy đủ thủ tục. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giao cho TAND cấp tỉnh

giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ giao tiền sử dụng đất cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và tự nguyện thỏa thuận hỗ trợ 8.534.000đ giá trị tài sản, cây cối trên đất cho gia đình ông Nguyễn Quốc T để dời dọn tài sản, cây cối trả lại đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện H, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí dời dọn tài sản của bà Trần Thị T cho gia đình ông Nguyễn Quốc T, số tiền 8.534.000đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự:

NHẬN ĐỊNH

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã T hành xác minh, thẩm định tại chỗ thửa đất đang tranh chấp, trưng cầu chứng cứ bị tố cáo là giả mạo là thực hiện đúng quy định tại Điều 97, 101, 103 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu UBND huyện H, UBND xã H, huyện H cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến quá trình sử dụng đất, chuyển nhượng đất đai giữa các hộ gia đình là thực hiện đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp là của gia đình ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T được xí nghiệp chè Nông Trường 20/4 cấp. Năm 2004, ông Nguyễn Quốc T được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng 1401m² đất tại Giấy CNQSD đất số T093432 ngày 19-11-2004. Gia đình đã sử dụng hợp pháp, ổn định, liên tục và không có tranh chấp. Đến ngày 23/9/2011, ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình cho bà Trần Thị T với diện tích 265,2m² tại xóm Đ, xã H, huyện H, được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng đất số BG 400842 tại Quyết định số 4161/QĐ-UBND ngày 25-10-2011. Như vậy, khẳng định phần diện tích 265,2m² bà Trần Thị T được UBND huyện H cấp quyền sử dụng đất

nằm trong khuôn viên 1401m² đã được UBND huyện H cấp cho gia đình ông Nguyễn Quốc T.

[2.2] Xét hồ sơ chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T và bà Trần Thị T: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Quốc T thừa nhận có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T, đã được giám định chữ ký của ông là đúng và ông có ký giấy bán đất cho ông Lê Tiến L là chồng bà T, nay ông L đã mất, nhưng tất cả chỉ là ký không giấy tờ chứ không có việc chuyển nhượng, ông chưa nhận tiền. Căn cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai bà Trần Thị T phản ánh: năm 2003 có giấy bán đất ông Nguyễn Quốc T bán cho ông Lê Tiến L, chồng bà T, trong đó có chữ ký của vợ chồng ông T và con trai là Nguyễn Quốc H, thời điểm đó con gái là Nguyễn Thị H còn nhỏ. Năm 2011 sau khi ông Lê Tiến L mất, bà T làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất, vợ chồng ông T đều ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà. Bà T cho rằng số tiền mua đất 30.000.000đồng chồng bà đã trả cho ông T. Như vậy vợ chồng ông T hai lần ký giấy chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà T. Hồ sơ chuyển nhượng có Giấy đề nghị chuyển nhượng, Hợp đồng chuyển nhượng có chữ ký của vợ chồng ông T, bà T, có xác nhận của UBND xã, có người làm chứng là xóm trưởng ông Nguyễn Văn M, việc chuyển nhượng được tiến hành với thủ tục đầy đủ, đúng quy định theo quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T, bà T cho rằng hồ sơ chuyển nhượng có chữ ký của hai ông, bà là giả mạo, tại phiên tòa phúc thẩm ông T thừa nhận chữ ký trong hồ sơ chuyển nhượng là đúng. Hồ sơ giám định chữ ký đã được cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ và bảo đảm tính pháp lý, kết luận giám định chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng là của ông T, bà T, đồng thời căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy lời khai nại của ông T, bà T là không có căn cứ để chấp nhận như lập luận của bản án sơ thẩm là có cơ sở.

[2.3] Xét hiện trạng sử dụng thửa đất:

Theo kết quả thẩm định tại chỗ được cấp sơ thẩm T hành thấy rằng, tổng diện tích thửa đất hiện nay đang sử dụng là 1401m² trong đó phần diện tích đang có tranh chấp là 265,2m², diện tích không có tranh chấp là 1135,8m². Tại Giấy CNQSD đất số T093432 ngày 19-11-2004 được UBND huyện H cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Quốc T thể hiện ngày 25-10-2011 ghi rõ đã cắt chuyển sang hộ bà Trần Thị T 252,2m² được Trung tâm phát triển quỹ đất, đăng ký quyền sử dụng đất huyện H xác nhận. Đây là căn cứ pháp lý khẳng định trên thực tế năm 2011, ông T, bà T và bà T đã thực hiện việc chuyển nhượng đất đai, thủ tục tuân thủ quy định của pháp luật, trình tự được UBND xã H và UBND huyện H thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H, chị H mà giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là phù hợp, đúng pháp luật.

Căn cứ biên bản thẩm định và định giá, trên thửa đất có một số tài sản như: chuồng trại nuôi bò, gà, hàng rào cột bê tông cốt thép, 01 cây dó trầm, 06 cây bưởi, 01 cây ổi, 01 cây măng cầu, 08 cây xoan dâu, 12 cây chuối, 01 cây

lòng đỏ trứng gà, tổng giá trị: 8.534.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T hỗ trợ giá trị tài sản trên buộc ông T di dời tài sản trả lại đất là khách quan, đúng pháp luật, hợp tình, hợp lý.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm kiện đòi tài sản, đương sự kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn: ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Quốc H, chị Nguyễn Thị H; giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 13-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003; Điều 121, 124, khoản 1, 2 Điều 169, 170, 193, 234, 248, 255, 259, 401, 402, 599 Bộ Luật dân sự năm 2005 xử: Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T giao lại diện tích 265,2m² đất đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị T theo Quyết định về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4161/QĐ-UBND ngày 25-10-2011 và Giấy CNQSD đất số BG 400842 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 25-10-2011 mang tên Trần Thị T, đồng thời phải chấm dứt mọi hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị T. Cụ thể diện tích đất 265,2m² của bà Trần Thị T có tứ cận như sau: Phía Đông giáp ruộng nước của đường xóm có chiều dài 12m; phía Tây giáp hành lang an toàn đường Hồ Chí Minh có chiều dài 12m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T đang sử dụng có chiều dài 26m; phía Bắc giáp đất ao hồ do UBND xã H quản lý có chiều dài 18,2m.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy quyết định về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4161 ngày 25-10-2011 của UBND huyện H và Quyết định cấp quyền sử dụng đất số BG 400842 ngày 25-10-2011 mang tên bà Trần Thị T. Ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T phải có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản có trên phần đất đã được cấp GCNQSD đất cho bà Trần Thị T gồm: Chuồng trại chăn nuôi bò, nuôi gà; hàng rào cột bê tông cốt thép, 01 cây gió trầm; 06 cây bưởi; 01 cây ổi; 01 cây măng cầu; 08 cây xoan dâu; 12 cây chuối; 01 cây lòng đỏ trứng gà để gia đình bà T toàn quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bà Trần Thị T cho ông Nguyễn Quốc T, bà Phan Thị T số tiền 8.534.000 đồng chi phí di dời toàn bộ tài sản để trả lại diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị T.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T phải nộp

300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền chi phí giám định còn thừa 30.000đ tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn bà Trần Thị T được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện H theo Biên lai số 0004066 ngày 20/6/2017.

Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Quốc T và bà Phan Thị T, anh Nguyễn Quốc H, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 0004210, 0004211, 0004212 ngày 31/7/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào